

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23/02/2022

“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Huỳnh Ngọc Sương**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Phận

Bà Đinh Thị Tuyết Hạnh

- Thư ký phiên toà: Ông **Lê Kim Hồ** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long: Ông **Nguyễn Hoàng Danh** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 146/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Phan Thị Xuân L**, sinh năm 1981 (vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Hoàng T**, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Cùng cư trú: tổ 4, ấp M, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai ngày 20/09/2021 nguyên đơn Phan Thị Xuân L trình bày:

Vào năm 1999 bà và ông Nguyễn Hoàng T qua mai mối tiến đến hôn nhân, có tổ chức hôn lễ theo phong tục tại địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thuận An, huyện Bình Minh (nay là thị xã Bình Minh), tỉnh Vĩnh Long vào ngày 29/8/2000. Nữ trang cưới có 01 đôi bông tai 01 chỉ, 01 sợi dây chuyền 05 chỉ, 01 tấm lắc 04 chỉ, đều là vàng 24k, số vàng này vợ chồng đã bán chi tiêu hết.

Sau khi kết hôn bà và ông T sống tại xã T, huyện BM (nay (huyện B), tỉnh Vĩnh Long. Trong thời gian chung sống bà và ông T có hai con chung là Nguyễn Xuân H sinh năm 2000 và Nguyễn Khôi N sinh ngày 18/12/2003, các con đang sống với ông

T. Trong thời gian chung sống bà và ông T không thiếu nợ ai, cũng không ai thiếu nợ ông, bà.

Sau khi cưới, thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc, nhưng đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, hay cãi vã nhau do ông T không quan tâm đến gia đình, bà và ông T mỗi người có quan điểm sống khác nhau, nhưng không ai chịu nhường nhịn ai nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân nhau khoảng 03 tháng.

Bà Phan Thị Xuân L xác định không còn tình cảm với anh Nguyễn Hoàng T, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn tình cảm nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng T

Về con chung: Bà L yêu cầu giải quyết cho bà được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Khôi N sinh ngày 18/12/2003, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Nguyễn Xuân H đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, bà không còn yêu cầu nào khác.

Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 09/02/2022 ông Nguyễn Hoàng T trình bày:

Ông là chồng của bà Phan Thị Xuân L, ông và bà L kết hôn năm 1999, vợ chồng lúc đầu sống hạnh phúc nhưng từ năm 2017 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là ông đi nhậu về là bà L kiểm chuyện chửi bới, ông cự lại nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, việc này cứ lặp đi lặp lại rất nhiều lần dẫn đến vợ chồng không còn hạnh phúc, ông và bà L sống ly thân đã hơn 06 tháng, hiện nay ông và bà L mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Ông và bà L có 02 con chung là Nguyễn Xuân H và Nguyễn Khôi N, hiện các cháu đã trưởng thành nên con muốn sống với ai thì ông tôn trọng ý kiến của con. Việc bà L xin ly hôn với ông thì ông đồng ý. Đối với tài sản thì ông và bà L tự thỏa thuận, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông đã được Tòa án giải thích về trợ giúp pháp lý nhưng ông không thuộc đối tượng nên không có yêu cầu. Do ông bận nên ông đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông cho đến khi vụ án kết thúc bằng một bản án hay quyết định có hiệu lực pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng. Đối với người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án thì nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định và có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Đối với bị đơn thì chưa chấp hành đúng quy định như vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải ngày 10/12/2021 và 27/12/2021.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Xuân L được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng T. Về con chung đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: không có tranh chấp. Về án phí: Buộc bà Phan Thị Xuân L nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, bà L được trừ vào tiền tạm ứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nguyên đơn Phan Thị Xuân L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng T có nơi cư trú tại tổ 4, ấp T, xã M, huyện B, tỉnh Vĩnh Long là quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, tiến hành các cuộc họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được do đó Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tại phiên tòa, nguyên đơn Phan Thị Xuân L và bị đơn Nguyễn Hoàng T có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét bà Phan Thị Xuân L và ông Nguyễn Hoàng T chung sống có kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa bà L và ông T là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống bà L và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn nên bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông T.

Xét việc bà Phan Thị Xuân L xin ly hôn với ông Nguyễn Hoàng T là có cơ sở chấp nhận. Bởi vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc chung trong gia đình và có nghĩa vụ chung sống với nhau để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc nhưng theo lời trình bày của bà Phan Thị Xuân L (*tại đơn khởi kiện và bản khai ngày 20/9/2021*) (BL 01 – 02) và lời trình bày của ông Nguyễn Hoàng T (*tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 09/02/2022*) (BL 35) thì quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng (*do ông T hay đi nhậu dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau, cứ lập đi lập lại rất nhiều lần dẫn đến vợ chồng không còn hạnh phúc, bà L và ông T mỗi người có quan điểm sống khác nhau nhưng không ai chịu nhường nhịn ai dẫn đến vợ chồng sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai*). Với những mâu thuẫn nêu trên thể hiện tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông T đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Xuân L, cho bà L ly hôn với ông Nguyễn Hoàng T.

[3.2] Về con chung: Đối với cháu Nguyễn Xuân H sinh ngày 13/8/2000 và cháu Nguyễn Khôi N sinh ngày 18/12/2003 đến thời điểm xét xử đều đã đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.3] Về quan hệ tài sản: Đương sự không tranh chấp, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Phan Thị Xuân L phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5

Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Xuân L

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phan Thị Xuân L ly hôn với ông Nguyễn Hoàng T

1.2. Về con chung: Đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

1.3. Về quan hệ tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Phan Thị Xuân L nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền án phí bà L phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0013296 ngày 15/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Đương sự: 02b
- VKSND huyện Bình Tân: 01b;
- UBND xã Thuận An, thị xã Bình Minh: 01b;
- CCTHADS huyện Bình Tân: 01b;
- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV&THA): 01b
- Lưu hồ sơ vụ án: 01b

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Ngọc Sương